

Đáp án 15 : Các Động Từ Chập Lại với -εω thể thức hiện tại theo lối trình bày (l'indicatif actif)

A – Anh chị hãy điền vào các phần trống với các động từ theo ngôi thứ thích hợp. Có lẽ anh chị nên thực hiện *trước* bài thực hành bằng cách phân tích quy trình. Ý nghĩa các động từ sử dụng được cho dưới đây, dù anh chị không cần để thực hiện bài thực hành này...

1	λαλῶ	μαρτυρῶ	περιπατῶ
2	λαλεῖς	μαρτυρεῖς	περιπατεῖς
3	λαλεῖ	μαρτυρεῖ	περιπατεῖ
1	λαλοῦμεν	μαρτυροῦμεν	περιπατοῦμεν
2	λαλεῖτε	μαρτυρεῖτε	περιπατεῖτε
3	λαλοῦσιν	μαρτυροῦσιν	περιπατοῦσιν



B - Phần Phiên Dịch dạng thức động từ thì hiện tại (l'indicatif actif). Ý nghĩa các động từ sử dụng được cho dưới đây.

Anh ấy (chị ấy) nói - (ngôi thứ 3 s.ít)	Anh ấy (chị ấy) làm - (ngôi thứ 3 s.ít)	Anh ấy (chị ấy) làm chúng - (ngôi thứ 3 s.ít)	Anh ấy (chị ấy) đi bộ - (ngôi thứ 3 s.ít)
tôi đi bộ	tôi làm chúng	chúng tôi làm	chúng tôi nói
Anh chị làm (ngôi thứ 2 s.nh)	Anh chị đi bộ (ngôi thứ 2 s.nh)	Họ (anh chị ấy) nói (ngôi thứ 3 s.nh)	Họ (anh chị ấy) làm chúng - (ngôi thứ 3 s.nh)
Anh (chị) làm chúng (ngôi thứ 2 s.ít)	Anh (chị) nói (ngôi thứ 2 s.ít)	tôi làm	Anh (chị) đi bộ - (ngôi thứ 2 s.ít)
Họ (anh chị ấy) đi bộ - (ngôi thứ 3 s.nh)	tôi nói	Anh ấy (chị ấy) làm chúng - (ngôi thứ 3 s.ít)	tôi nói

Anh chị có bắt đầu tìm thấy đặc tính của một số dạng thức chưa?



Đáp án 15 : Các Động Từ Chập Lại với -εω thể thức hiện tại theo lối trình bày trung bình thụ động (l'indicatif moyen-passif)

C - Anh chị hãy điền vào các phần trống bằng cách chia các động từ the ngôi thứ yêu cầu ở thể thức trung bình thụ động. Anh chị hãy làm *trước* bài thực hành bằng cách phân tích quy trình. Ý nghĩa các động từ sử dụng được cho dưới đây.

1	βλασφημοῦμαι	εὐλογοῦμαι
2	βλασφημῆ	εὐλογῆ
3	βλασφημεῖται	εὐλογεῖται

1	βλασφημούμεθα	εὐλογοούμεθα
2	βλασφημεῖσθε	εὐλογεῖσθε
3	βλασφημοῦνται	εὐλογοῦνται



Đ - Phần Phiên Dịch thực hiện càng nhanh càng tốt. Nhưng anh chị cũng cần phải thận trọng, 2 trong số các động từ theo thể thức hiện tại trung bình, còn 2 động từ khác thì theo thể thức hiện tại thụ động: anh chị hãy cho thấy sự phân biệt giữa các động từ này.

Anh ấy (chị ấy) được ban phước - (ngôi thứ 3 s.ít)	Anh ấy (chị ấy) được kêu gọi - (ngôi thứ 3 s.ít)	Anh ấy (chị ấy) tự bảo vệ - (ngôi thứ 3 s.ít)	Anh ấy (chị ấy) tự làm / được làm - (ngôi thứ 3 s.ít)
Họ (anh chị ấy) được kêu gọi - (ngôi thứ 3 s.nh)	Họ (anh chị ấy) tự làm / được làm - (ngôi thứ 3 s.nh)	Họ (anh chị ấy) tự bảo vệ - (ngôi thứ 3 s.nh)	Họ (anh chị ấy) được ban phước
Anh (chị) tự làm / được làm - (ngôi thứ 2 s.ít)	Anh (chị) tự bảo vệ - (ngôi thứ 2 s.ít)	Anh (chị) được ban phước - (ngôi thứ 2 s.ít)	Anh (chị) được kêu gọi - (ngôi thứ 2 s.ít)
Chúng tôi được ban phước	Chúng tôi tự làm / được làm	Anh (chị) được kêu gọi- (ngôi thứ 2 s.nh)	Anh (chị) tự bảo vệ - (ngôi thứ 2 s.nh)



Bài thực hành 15 - Từ vựng

E - Phần Phiên Dịch thực hiện càng nhanh càng tốt.

Anh ấy (chị ấy) kêu gọi - (ngôi thứ 3 s.ít)	Anh ấy (chị ấy) tìm - (ngôi thứ 3 s.ít)	Anh ấy (chị ấy) nói - (ngôi thứ 3 s.ít)	Anh ấy (chị ấy) làm chứng - (ngôi thứ 3 s.ít)
Tôi đi tìm (tìm kiếm)	Tôi đi dạo	Tôi hỏi	Tôi là
Anh ấy (chị ấy) hỏi - (ngôi thứ 3 s.ít)	Anh ấy (chị ấy) đi theo - (ngôi thứ 3 s.ít)	Anh ấy (chị ấy) đi tìm - (ngôi thứ 3 s.ít)	nhưng
Tại vì, vì	Hay, hoặc là	nhưng	Vì thế, do đó
Hoặc (hay)	Tại vì, vì	Anh ấy (chị ấy) hỏi - (ngôi thứ 3 s.ít)	nhưng



F - Phần Phiên Dịch các câu sau đây.

Vì họ nói mà không làm theo lời nói.
(hay,) ta, ta không tìm sự vinh quang của riêng ta.
các môn đồ đi theo Ngài.

Anh chị có thấy sự uyên chuyên của cấu trúc trong tiếng Hy-lạp không ?